TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 306/2023/DSPT Ngày: 25/5/2023 *V/v tranh chấp: Chia di sản thừa kế.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Giàu**

Các Thẩm phán: Ông **Mai Hoàng Khải**

Ông **Lê Thanh Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Hà Vy**, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thúy Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 và 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: *"Chia di sản thừa kế"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 164/2022/DS-ST ngày 25/05/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2022/QĐXX-PT ngày 18 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Lưu Thị Kim N,** sinh năm 1956

Địa chỉ: Ấp T P, xã T H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà N: Nguyễn Minh C, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 0 N Đ C, phường , thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 08/11/2022).

** Bị đơn:* **Lưu Quốc T**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 107/2, tổ 8, ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ **Lưu Thị Kim L,** sinh năm 1954

Địa chỉ: Số A, đường T N H, phường H T, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ **Lưu Thị Bích C,** sinh năm 1971

Địa chỉ: Số /4, B Đ, phường , quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

3/ **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1969

4/ **Lưu Vạn L**, sinh năm 1989

5/ **Lưu Phát L**, sinh năm 1991

Cùng hộ khẩu thường trú: Tổ , Ấp T P, xã T H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Cùng nơi ở hiện nay: Số /2, tổ , ấp T P, xã T H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: **Lưu Quốc T,** sinh năm 1964

Địa chỉ: /2, tổ , Ấp T P, xã T H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm;*

- *Nguyên đơn bà Lưu Thị Kim N trình bày:* Ông Lưu Văn C (sinh năm 1933, mất năm 2017) và bà Phạm Thị B (sinh năm 1935, mất năm 2016) là cha mẹ ruột của bà. Ông C, bà B có tất cả 04 người con gồm: Lưu Thị Kim L, Lưu Thị Kim N, Lưu Thị Bích C và Lưu Quốc T. Ngoài những người con này ra ông bà không có người con nào khác.

Quá trình chung sống vợ chồng, ông C bà B có tạo lập được các thửa đất như sau:

+ Thửa 3348, diện tích 111,4m^2, tờ bản đồ số 1, loại đất ở nông thôn. Nguồn gốc thửa đất này do ông C, bà B tạo lập từ năm 1965. Đến ngày 25/4/2005 nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lưu Văn C đứng tên đại diện cho hộ.

+ Thửa 3346, diện tích 461,8m^2, tờ bản đồ số 1, loại đất trồng cây lâu năm và thửa 3347, diện tích 63,0m^2, tờ bản đồ số 1, loại đất ở nông thôn. Nguồn gốc hai thửa đất này do ông Lưu Văn C mua của ông Nguyễn Văn T, có cả căn nhà với số tiền là 75.000.000 đồng vào ngày 07/12/1995, hai bên có viết giấy tay chuyển nhượng nhà và đất (bản chính). Sau đó ông Lưu Văn C được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại diện cho hộ vào ngày 27/03/2006.

Tất cả các thửa đất đều tọa lạc tại ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, là tài sản chung của ông Lưu Văn C và bà Phạm Thị B.

Vào ngày 05/08/2013 ông Lưu Văn C lập bản di chúc tại Văn phòng công chứng Ấp Bắc với nội dung "một phần quyền sử dụng đất của các thửa đất nêu trên cùng với tài sản gắn liền với đất là nhà sẽ để lại cho Lưu Thị Kim L, Lưu Thị Kim N và Lưu Thị Bích C". Năm 2016 bà Phạm Thị B chết không để lại di chúc.

Hiện nay phần đất tranh chấp do bà Lưu Thị Kim N và ông Lưu Quốc T đang quản lý và sử dụng.

Nay bà Lưu Thị Kim N khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế như sau:

1. Chia di sản thừa kế theo di chúc của ông Lưu Văn C được lập vào ngày 05/08/2013 đối với một phần quyền sử dụng đất của các thửa đất số 3346, 3347 và 3348 cho ba người là Lưu Thị Kim N, Lưu Thị Kim L, Lưu Thị Bích C.

2. Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với một phần đất của các thửa đất số 3346, 3347 và 3348 do bà Phạm Thị B để lại cho 04 người là Lưu Thị Kim N, Lưu Thị Kim L, Lưu Quốc T, Lưu Thị Kim L, Lưu Thị Bích C.

Bà N xin nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật, đồng ý hoàn trả lại giá trị đất cho các đồng thừa kế khác.

Cụ thể bà N xin nhận một phần diện tích 60,6m^2 thuộc thửa 3348 và một phần diện tích 170m^2 thuộc thửa 3346, có tổng diện tích 230,6m^2 (Phần 1) gắn liền với căn nhà mà bà đã xây dựng vào năm 2020. Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2022. Có vị trí tứ cận:

- Hướng Bắc giáp với phần đất còn lại của thửa 3348 và thửa 3346 do ông Lưu Văn C đứng tên;

- Hướng Nam giáp với đất ông Cao Quốc P (thửa 1839) và bà Nguyễn Thị Đ (thửa 1839);

- Hướng Đông giáp với Quốc Lộ 1A;

- Hướng Tây giáp với đất của ông Nguyễn Anh K (thửa 1552).

Bà N thống nhất với phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2022 và biên bản định giá, biên bản thẩm định cùng ngày 07/04/2021. Bà N không yêu cầu giải quyết các tài sản trên đất tranh chấp, công sức đóng góp, chăm sóc cha mẹ.

Đối với ý kiến của ông T, yêu cầu chia tài sản chung là các thửa đất số 3346, 3347, 3348 cho các thành viên trong hộ, bà Ngân không đồng ý. Việc Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ba thửa đất trên cho hộ ông Lưu Văn C là do thủ tục của Nhà nước qui định, chưa đúng thực tế nguồn gốc đất được tạo lập.

** Bị đơn ông Lưu Quốc T trình bày:* Cha mẹ ông tên Lưu Văn C (mất năm 2017) và bà Phạm Thị B (mất năm 2016). Cha mẹ ông có tất cả 04 người con như bà N đã trình bày ngoài ra không có người con, cha mẹ nuôi nào khác. Khi cha mẹ ông còn sống có tạo lập được diện tích đất 111,4m^2 thửa 3348, tờ bản đồ số 1, loại đất ở nông thôn và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00539 cấp ngày 25/04/2006 do ông Lưu Văn C đứng tên đại diện cho hộ. Đây là tài sản của cha mẹ ông để lại, trên thửa đất này có căn nhà của cha mẹ xây dựng. Sau đó bà Lưu Thị Kim N đã đập bỏ một phần nhà trên thửa 3348 và xây dựng một căn nhà mới kéo dài trên một phần của thửa 3346. Hiện trên thửa 3348 còn lại một phần căn nhà cũ.

Các thửa đất số 3346, diện tích 461,8m^2, tờ bản đồ số 1, loại đất trồng cây lâu năm; và thửa 3347, diện tích 63,0m^2, tờ bản đồ số 1, loại đất ở nông thôn cùng tọa lạc tại Ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang mà ông Lưu Văn C đứng tên đại diện cho hộ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cùng ngày 27/03/2006. Đây là 02 thửa đất do vợ chồng ông là Lưu Quốc T và Nguyễn Thị C đưa tiền cho cha là ông Lưu Văn C (không có làm giấy tờ giao tiền) nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T vào năm 1995. Sau khi cưới vợ, thì vợ chồng ông sống chung với cha mẹ ruột là ông Lưu Văn C và bà Phạm Thị B, vì là cha con với nhau nên ông để cho cha là ông Lưu Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông xác định đây là tài sản của cha mẹ là Lưu Văn C và bà Phạm Thị B lúc còn sống tạo lập. Do đó không có yêu cầu đòi lại tài sản là thửa đất 3346 và 3347.

Nay ông thống nhất ba thửa đất nêu trên là tài sản chung của ông Lưu Văn C và bà Phạm Thị B. Năm 2016 mẹ là bà Phạm Thị B mất không để lại di chúc. Năm 2017 cha là ông Lưu Văn C mất, có để lại di chúc gồm một phần quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của ông Lưu Văn C cho Lưu Thị Kim L, Lưu Thị Kim N và Lưu Thị Bích C. Ông T thừa nhận đây là di chúc hợp pháp.

Bà N khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với các thửa đất nói trên, ông không đồng ý. Vì các thửa đất này là cấp cho hộ ông Lưu Văn C đứng tên đại diện cho hộ, nên đây là tài sản chung của hộ gia đình. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Lưu Văn C gồm có 07 thành viên là ông Lưu Văn C, bà Phạm Thị B, Lưu Thị Kim N, Lưu Quốc T, Nguyễn Thị C, Lưu Vạn L và Lưu Phát L. Mặt khác thì Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cũng có văn bản xác nhận các thửa đất đang tranh chấp đều cấp cho các thành viên trong hộ. Do đó ông yêu cầu chia ba thửa đất trên làm 07 phần cho các thành viên trong hộ. Vợ chồng ông và các con yêu cầu nhận hiện vật là diện tích đất mà bà N đã xây dựng trên thửa 3348 và thửa 3346. Nếu phần đất mà vợ chồng con cái ông được nhận vượt quá giá trị so với phần được được chia trong khối tài sản chung thì đồng ý hoàn trả lại giá trị bằng tiền cho các thành viên khác trong hộ gia đình. Trong đó phần di sản của bà Phạm Thị B chia làm 04 phần gồm bà Lưu Thị Kim N, Lưu Thị Kim L, Lưu Thị Bích C, Lưu Quốc T. Phần di sản của ông Lưu Văn C chia theo di chúc làm 03 phần là Lưu Thị Kim L, Lưu Thị Kim N và Lưu Thị Bích C.

Nếu ba thửa đất trên được xác định là di sản của bà B và ông C. Ông T yêu cầu phần di sản của bà Phạm Thị B chia theo pháp luật làm 04 phần gồm Lưu Quốc T, Lưu Thị Kim N, Lưu Thị Kim L và Lưu Thị Bích C. Ông T xin nhận một kỷ phần và yêu cầu được nhận hiện vật là diện tích đất 230,6m^2 (Phần I) theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2022. Trên phần đất này có cấu trúc căn nhà của bà N xây dựng, yêu cầu bà Ngân tháo dở di dời để giao phần diện tích đất đó cho ông và không đồng ý hoàn trả giá trị cấu trúc căn nhà cho bà N. Nếu phần diện tích đất mà ông được nhận vượt quá giá trị so với kỷ phần được nhận, thì ông không đồng ý hoàn trả lại cho các đồng thừa kế

khác; Đối với phần di sản của ông Lưu Văn C, ông T đồng ý chia theo di chúc cho bà N, bà L và chị Bích C.

Ông T thống nhất với phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2022 và biên bản định giá, biên bản thẩm định cùng ngày 07/04/2021. Ông không yêu cầu giải quyết các tài sản trên đất tranh chấp, công sức đóng góp, chăm sóc cha mẹ.

- *Người Có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ *Bà Lưu Thị Kim L trình bày:* Cha mẹ bà là Lưu Văn C (mất năm 2017) và bà Phạm Thị B (mất năm 2016), ông bà có tất cả 04 người con như trên đã trình bày ngoài ra không có người con, cha mẹ nuôi nào khác. Khi còn sống cha mẹ có tạo lập được khối tài sản gồm: thửa đất số 1252 diện tích 3.057m^2 (đã chia cho ông Lưu Quốc T); thửa đất 3347 diện tích 63,0m^2 ; thửa 3346, diện tích 461,8m^2; thửa 3348, diện tích 111,4m^2 có cùng tờ bản đồ số 1 và cùng tọa lạc tại ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Nay bà yêu cầu chia khối di sản của ông Lưu Văn C và bà Phạm Thị B là ba thửa đất nêu trên. Phần di sản của ông Còn chia cho ba người là Lưu Thị Kim L, Lưu Thị Kim N, Lưu Thị Bích C theo di chúc lập ngày 05/08/2013. Phần di sản còn lại là của bà Phạm Thị B chia theo pháp luật cho bốn người là Lưu Thị Kim L, Lưu Thị Kim N, Lưu Thị Bích C và Lưu Quốc T. Bà yêu cầu được nhận một phần diện tích đất của thửa 3348 là 26,1m^2 có gắn liền một phần căn nhà cấp 4 do cha mẹ xây dựng; thửa 3347 diện tích 63,0m^2 trên đất có toàn bộ căn nhà cấp 4 đã xuống cấp cũng do cha mẹ xây dựng; một phần của thửa 3346 có diện tích 129,2m^2. Tổng diện tích đất bà yêu cầu được nhận 218,3m^2 (Phần 2). Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2022. Có vị trí tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp một phần của thửa đất còn lại của 3348 và một phần của thửa đất 3346 do ông Lưu Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Hướng Nam giáp một phần của thửa đất còn lại của 3348 và một phần của thửa đất 3346 do ông Lưu Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giáp căn nhà của bà Lưu Thị Kim N – Phần 1);

Hướng Đông giáp Quốc Lộ 1A;

Hướng Tây giáp đất của ông Nguyễn Anh K.

Bà L thống nhất với phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2022 và biên bản định giá, biên bản thẩm định cùng ngày 07/04/2021. Bà không yêu cầu giải quyết các tài sản trên đất tranh chấp.

+ *Chị Lưu Thị Bích C trình bày:* Cha mẹ bà là Lưu Văn C (mất năm 2017) và bà Phạm Thị B (mất năm 2016), có tất cả 04 người con gồm: Lưu Thị Kim L, Lưu Thị Kim N, Lưu Thị Bích C và Lưu Quốc T. Ngoài các người con này ra cha mẹ bà không có con nuôi hay cha mẹ nuôi nào khác.

Khi còn sống cha mẹ của chị tạo được tài sản gồm các thửa đất: thửa 3346, diện tích 461,8m^2 ; thửa 3347, diện tích 63,0m^2 ; thửa 3348, diện tích 111,4m^2.

Cùng tọa lạc tại ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Ngày 05/8/2013 cha là ông Lưu Văn C lập di chúc để lại di sản cho 03 người con gái. Năm 2016 mẹ là bà Phạm Thị B mất không lập di chúc, đến năm 2017 cha mất. Nay chị yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại. Phần của ông Lưu Văn C chia cho 03 người là Lưu Thị Kim L, Lưu Thị Kim N, Lưu Thị Bích C. Phần của bà Phạm Thị B chia cho 04 người là Lưu Thị Kim L, Lưu Thị Kim N, Lưu Thị Bích C và Lưu Quốc T. Bà xin nhận hiện vật cụ thể như sau:

Yêu cầu được nhận một phần diện tích đất của thửa 3348 là 24,7m^2 có gắn liền một phần căn nhà cấp 4 do cha mẹ xây dựng; một phần của thửa 3346 có diện tích 162,6m^2. Tổng diện tích đất chị yêu cầu được nhận 187,3m^2 (Phần 3). Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2022. Có vị trí tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp với đất của ông Nguyễn Anh K (thửa 1551) và đất ông Trịnh Hồng D (thửa 3844);

Hướng Nam giáp một phần của thửa đất còn lại của 3348 và một phần của thửa đất 3346 do ông Lưu Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Phần 2);

Hướng Đông giáp Quốc Lộ 1A;

Hướng Tây giáp đất của ông Nguyễn Anh K (thửa 1552).

Chị thống nhất với phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2022 và biên bản định giá, biên bản thẩm định cùng ngày 07/04/2021. Không yêu cầu giải quyết các tài sản trên đất tranh chấp.

+ Bà Nguyễn Thị C, Lưu Vạn L, Lưu Phát L trình bày: Nguyên thửa đất tranh chấp số 3346, diện tích 461,8m^2, thửa 3347, diện tích 63,0 m^2 và thửa 3348 diện tích 111,4m^2 do ông Lưu Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ. Nguồn gốc đất thửa số 3346, diện tích 461,8m^2 và thửa đất 3347 do vợ chồng bà đưa tiền cho cha là ông Lưu Văn C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 1992 của ông Nguyễn Văn T. Do là cha con nên không có làm giấy tờ giao tiền. Thửa 3348 diện tích 111,4m^2 loại đất ở nông thôn do ông Lưu Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại diện cho hộ, trên thửa đất này có căn nhà cấp 4 do cha mẹ ông T xây dựng đã lâu. Đây là tài sản của ông Lưu Văn C và bà Phạm Thị B. Nay bà Nguyễn Thị C, Lưu Phát L thống nhất với ý kiến của ông Lưu Quốc T, không trình bày gì thêm.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 164/2022/DS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang: Căn cứ vào: Các Điều 612, Điều 623, Điều 624, Điều 630, Điều 649, Điều 651, Điều 660, Điều 659 Bộ luật dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án; Căn cứ điểm k Khoản 4 Điều 95 Luật đất đai. Xử:

1/ Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Kim N.

2/ Xác định di sản thừa kế của ông Lưu Văn C và bà Phạm Thị B là:

+ Thửa đất 3346 diện tích 461,8m^2, cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang trị giá là 461,8m^2 x 18.000.000 đồng/m^2 = 8.312.400.000 đồng.

+ Thửa 3347 có diện tích 63,0m^2, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp Tân Phú, xã Tân Hương,huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang trị giá là: 63,0 m^2 x 20.000.000 đồng/m^2 = 1.260.000.000 đồng.

+ Thửa 3348 có diện tích là 111,4m^2, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang trị giá là : 111,4 m^2 x 20.000.000 đồng/m^2 = 2.228.000.000 đồng.

Tổng giá trị 03 thửa đất có giá trị tương đương thành tiền là: 11.800.400.000 đồng (mười một tỷ tám trăm triệu bốn trăm nghìn đồng) nên giá trị di sản thừa kế của bà Phạm Thị B là 5.900.200.000 đồng.

3/ Xác định hàng thừa kế của bà Phạm Thị B gồm: Lưu Thị Kim L, Lưu Thị Kim N, Lưu Quốc T, Lưu Thị Bích C và ông Lưu Văn C.

Chia di sản thừa kế của bà Phạm Thị B cho những người trong hàng thừa kế của bà, mỗi người được chia một phần như nhau: 5.900.200.000 : 5 = 1.180.040.000 đồng. Cụ thể, Lưu Thị Kim L, Lưu Thị Kim N, Lưu Quốc T, Lưu Thị Bích C và ông Lưu Văn C mỗi người được hưởng di sản của bà Bé là 1.180.040.000 đồng.

4/ Xác định di sản thừa kế của ông Lưu Văn C có giá trị thành tiền là 5.900.200.000 + 1.180.040.000 = 7.080.240.000 đồng.

Xác định hàng thừa kế của ông Lưu Văn C gồm: Lưu Thị Kim L, Lưu Thị Kim N, Lưu Thị Bích C nên mỗi người được chia là: 7.080.240.000 : 3 2.360.080.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị di sản bà Lưu Thị Kim L, Lưu Thị Kim N, Lưu Thị Bích C được hưởng từ cha, mẹ mỗi người là: 2.360.080.000 + 1.180.040.000 = 3.540.120.000 đồng.

Mỗi người được nhận di sản bằng quyền sử dụng đất như sau:

- Giao cho bà Lưu Thị Kim N phần đất diện tích 230,6m^2. Trong đó có một phần diện tích 60,6m^2 thuộc thửa 3348 là đất ở nông thôn và một phần diện tích 170,0m^2 thuộc thửa 3346 là đất cây lâu năm) Phần 1. Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2022. Có vị trí tứ cận:

+ Hướng Bắc giáp với phần đất còn lại của thửa 3348 và thửa 3346 do ông Lưu Văn C đứng tên (Phần 2);

+ Hướng Nam giáp với đất ông Cao Quốc P (thửa 1839) và bà Nguyễn Thị Đ (thửa 1839);

+ Hướng Đông giáp với Quốc Lộ 1A;

+ Hướng Tây giáp với đất của ông Nguyễn Anh K (thửa 1552).

Bà Lưu Thị Kim N được tiếp tục sở hữu căn nhà có diện tích 218,22m^2 trong tổng diện tích đất 230,6m^2 theo biên bản định giá ngày 07/04/2021.

Buộc bà Lưu Thị Kim N hoàn trả cho ông Lưu Quốc T số tiền 731.880.000 đồng (bảy trăm ba mươi mốt triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) là giá trị chênh lệch so với giá trị một kỷ phần bà N được nhận.

- Giao cho bà Lưu Thị Kim L phần đất diện tích 218,3m^2. Trong đó có một phần diện tích 26,1m^2 thuộc thửa 3348 là đất ở nông thôn, toàn bộ diện tích đất 63,0m^2 thuộc thửa 3347 là đất ở nông thôn và một phần diện tích 129,2m^2 thuộc thửa 3346 là đất cây lâu năm (Phần 2). Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2022. Có vị trí tứ cận:

+ Hướng Bắc giáp một phần của thửa đất còn lại của 3348 và một phần của thửa đất 3346 do ông Lưu Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (phần 3).

+ Hướng Nam giáp một phần của thửa đất còn lại của 3348 và một phần của thửa đất 3346 do ông Lưu Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giáp căn nhà của bà Lưu Thị Kim N – Phần 1)

+ Hướng Đông giáp Quốc Lộ 1A

+ Hướng Tây giáp đất của ông Nguyễn Anh K.

Giao cho bà Lưu Thị Kim L sở hữu toàn bộ căn nhà có diện tích 25,99m^2 một phần thuộc thửa 3348 và 3346; căn nhà có diện tích đất 54,6m^2 thuộc thửa 3347 cùng với các tài sản khác gắn liền trên đất. Theo biên bản định giá ngày 07/04/2021.

Buộc bà Lưu Thị Kim L hoàn trả cho chị Lưu Thị Bích C 119.320.000 đồng và ông Lưu Quốc T số tiền 448.160.000 đồng.

- Giao cho bà Lưu Thị Bích C phần đất diện tích đất 187,3m^2. Trong đó có một phần diện tích 24,7m^2 thuộc thửa 3348 là đất ở nông thôn và diện tích 162,6m^2 một phần còn lại của thửa 3346 là đất cây lâu năm (Phần 3). Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2022. Có vị trí tứ cận:

+ Hướng Bắc giáp với đất của ông Nguyễn Anh K (thửa 1551) và đất ông Trịnh Hồng D (thửa 3844);

+ Hướng Nam giáp một phần của thửa đất còn lại của 3348 và một phần của thửa đất 3346 do ông Lưu Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Phần 2);

+ Hướng Đông giáp Quốc Lộ 1A;

+ Hướng Tây giáp đất của ông Nguyễn Anh K (thửa 1552).

Giao cho bà Lưu Thị Bích C sở hữu căn nhà có diện tích 28,83m^2 thuộc một phần của thửa 3348 và một phần thửa 3346 cùng với các tài sản khác gắn liền với đất. Theo biên bản định giá ngày 07/04/2021.

Buộc ông Lưu Quốc T có trách nhiệm giao phần diện tích đất và nhà, cùng với các tài sản khác trên đất cho bà Lưu Thị Kim L và Lưu Thị Bảo C, cụ thể như sau:

- Giao cho bà Lưu Thị Kim L phần đất diện tích 218,3m^2 (phần 2) có vị trí nêu trên, tọa lạc tại ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2022. Và hai căn nhà có diện tích 25,99m^2 một phần thuộc thửa 3348 và 3346; căn nhà có diện tích đất 54,6m^2 thuộc thửa 3347, cùng với các tài sản khác gắn liền trên đất. Theo biên bản định giá ngày 07/04/2021.

- Giao cho bà Lưu Thị Bích C phần đất diện tích đất 187,3m^2 (phần 3) có vị trí nêu trên, tọa lạc tại ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2022. Và căn nhà có diện tích 28,83m^2 thuộc một phần của thửa 3348 và một phần thửa 3346 cùng với các tài sản khác gắn liền với đất. Theo biên bản định giá ngày 07/04/2021.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bà N, bà L, chị C được quyền đăng ký biến động đất đai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại điểm k Khoản 4 Điều 95 Luật đất đai.

Các bên thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 26 tháng 5 năm 2022, bị đơn Lưu Quốc T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vì bản án tuyên không chính xác, khách quan, không phù hợp với quy định của pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu xem xét về công sức cải tạo đất. Các đương sự không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Lời trình bày của ông Tài không có căn cứ chứng minh ông là người đưa tiền để mua đất tranh chấp, thủ tục cấp cho hộ nhưng các thành viên trong hộ không có công sức tạo lập, đóng góp, chỉ có tên sống chung trong hộ. Có căn cứ xác định các thửa đất là di sản để lại của ông C và bà B, di chúc của ông C là hợp pháp; hồ sơ thể hiện ông T không yêu

cầu về công sức cải tạo đất, các đương sự không yêu cầu tranh chấp tài sản trên đất tại cấp sơ thẩm. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[I]- Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Đương sự thực hiện quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo theo quy định tố tụng dân sự. Bản án sơ thẩm có nhiều chổ sai sót về họ tên chị C là Lưu Thị Bảo C, cần điều chỉnh lại cho đúng là Lưu Thị Bích C mới phù hợp.

[II]- Về nội dung vụ án: Tài sản yêu cầu chia thừa kế là các thửa đất 3346, diện tích 461,8m^2 (đất trồng cây lâu năm); thửa 3347, diện tích 63,0m^2 và thửa 3348, diện tích 111,4m^2 (đất ở nông thôn) cùng tại ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang do ông Lưu Văn C đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng ngày 25/4/2005 và 27/3/2006. Nguồn gốc các thửa đất là do ông C và bà B tạo lập và mua từ ông Nguyễn Văn T vào năm 1995. Ông C và bà B là vợ chồng có 04 người con là Lưu Thị Kim N, Lưu Thị Kim L, Lưu Thị Bích C và Lưu Quốc T. Khi còn sống ông C có lập bản di chúc ngày 05/8/2013 với ý chí cho 03 người con Lưu Thị Kim N, Lưu Thị Kim L, Lưu Thị Bích C một phần tài sản là diện tích các thửa đất nêu trên. Bà B mất năm 2016, ông C mất năm 2017; bà N khởi kiện và bà L, chị C thống nhất yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của ông C và chia thừa kế di sản của bà B; ông T thì không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện, cho rằng tài sản là cấp cho hộ nên yêu cầu chia cho các thành viên trong hộ gồm có ông, bà Nguyễn Thị C, Lưu Văn L và Lưu Phát L.

[II.1]- Qua lời trình bày của các đương sự, tài liệu chứng cứ hồ sơ cho thấy: Nguồn gốc tài sản tranh chấp là công sức tạo lập của ông C và bà B, có chứng cứ ông C mua lại diện tích đất của ông Nguyễn Văn T vào ngày 07/12/1995. Sau đó ông C được nhà nước cấp quyền sử dụng thửa 3348, diện tích 111,4m^2 (đất ở nông thôn) ngày 25/4/2005 và thửa 3346, diện tích 461,8m^2 (đất trồng cây lâu năm); thửa 3347, diện tích 63,0m^2 (đất ở nông thôn) cùng ngày 27/3/2006 cho hộ ông Lưu Văn C. Ông T cho rằng ông là người bỏ số tiền ra để mua đất, cho cha là ông C đứng tên quyền sử dụng nhưng không có chứng cứ chứng minh; ông T yêu cầu chia tài sản chung trong hộ nhưng xem xét các thành viên trong hộ là vợ và các người con ông T không có công sức đóng góp, tạo lập, chỉ có tên trong hộ gia đình nên không được xác định là tài sản chung của các thành viên hộ gia đình theo Điều 212 Bộ luật dân sự. Di chúc ngày 05/8/2013 ông T thừa nhận là đúng ý chí ông C, được chứng thực nên công nhận hợp pháp; do đó yêu cầu chia tài sản thừa kế của bà N, L và C là có cơ sở chấp nhận.

[II.2]- Xem xét di sản thừa kế là của vợ chồng ông C bà B nên chia tài sản chung mỗi người ½, kỷ phần của ông C chia theo di chúc cho 03 người là N, L và

C. ½ của bà B chia theo pháp luật, do từ khi khởi kiện và suốt quá trình giải quyết vụ án bà N, bà L và chị C có yêu cầu chia thừa kế kỷ phần của bà B cho 04 người con, nên trên cơ sở ý chí của đương sự, chỉ chia kỷ phần của bà B để lại cho 04 phần là bà N, bà L, chị C và ông T, không chia làm 05 phần trong đó có phần của ông C theo như bản án sơ thẩm.

Do di sản thừa kế là diện tích đất, cần giao kỷ phần thừa kế là hiện vật cụ thể cho những người hưởng thừa kế theo Điều 660 Bộ luật dân sự, không nhận định chia kỷ phần thừa kế theo tỷ lệ giá trị như bản án sơ thẩm mà phải điều chỉnh lại cho phù hợp. Đối với ông T có yêu cầu nhận hiện vật nhưng qua xem xét các bên thừa nhận ông đã được cha mẹ cho diện tích 3.057m^2 thửa 1252 và sinh sống ổn định tại đây, trong thời gian xét xử ông có yêu cầu đo đạc lại diện tích tranh chấp để chia cho ông nhưng kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành không ghi ngày tháng, không rỏ ràng; theo kết quả đo đạc ngày 21/02/2022 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom được các bên thống nhất, thể hiện chiều ngang mặt đường chính (quốc lộ 1) là 13,6m, sau khi chia ½ phần của ông C thì diện tích chiều ngang còn lại là 6,8m nếu chia cho 04 phần thì chỉ là 1,7m rất nhỏ hẹp, không phù hợp để giao hiện vật cho ông T.

[II.3]- Theo đó, kỷ phần thừa kế cụ thể của các đương sự được phân chia: ½ ông C là 461,8m^2 : 2 = 230,9m^2 (đất trồng cây lâu năm) + 171,7m^2 : 2 = 85,85m^2 (đất ở nông thôn), tổng cộng là 316,75m^2 được chia cho bà N, bà L và chị C, mỗi người là 105,58m^2. Phần của bà B là 316,75m^2 (có 85,85m^2 đất ở nông thôn) chia cho 04 người con là bà N, bà L, chị C và ông T, mỗi kỷ phần là 79,187m^2 (trong đó có 21,46m^2 đất ở nông thôn). Cụ thể bà N, bà L và chị C mỗi người được nhận 184,767m^2 (có 28,62m^2 đất ở nông thôn), ông T được nhận 79,187m^2 (trong đó có 21,46m^2 đất ở nông thôn).

Bà N, bà L và chị C tự nguyện và đồng ý được phân chia diện tích theo kết quả đo đạc ngày 21/02/2022, cụ thể bà N là 230,6m^2 (có 60,6m^2 đất ở nông thôn và 170m^2 đất trồng cây lâu năm), bà L là 218,3m^2 (có 89,1m^2 đất ở nông thôn và 129,2m^2 đất trồng cây lâu năm) và chị C là 187,3m^2 (có 24,7m^2 đất ở nông thôn và 162,6m^2 đất trồng cây lâu năm).

Ông T được chia thừa kế 79,187m^2 (trong đó có 21,46m^2 đất ở nông thôn) được tính theo giá trị tại biên bản định giá ngày 07/4/2021, sẽ là: 21,46m^2 x 20.000.000đ/m^2 = 429.200.000 đồng + 57,727m^2 x 18.000.000đ/m^2 = 1.039.086.000, tổng cộng là 1.468.286.000 đồng. Do bà N, bà L và chị C không có ý kiến về việc phân chia tỷ lệ chênh lệch giá trị đất, căn cứ vào diện tích đất cụ thể được nhận thì bà C và bà L được nhận diện tích đất nhiều hơn so với tỷ lệ được chia nên có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cho ông T số tiền tương ứng với diện tích dư ra. Theo đó bà N có nhận nhiều hơn 45,84m^2, chỉ tính giá trị đất trồng cây lâu năm với số tiền là 825.120.000 đồng, có nghĩa vụ giao số tiền này cho ông T; bà L nhận nhiều hơn 33,54m^2 nhưng có diện tích đất ở nông thôn nhiều hơn nên có nghĩa vụ giao trả số tiền còn cho ông T là 643.166.000 đồng.

[II.4]- Đối với căn nhà do bà N xây cất năm 2020 trên diện tích đất bà N được chia; các căn nhà còn lại hiện nay không có người sinh sống, đã xuống giá trị và cây trồng trên đất có giá trị không nhiều các bên thống nhất không tranh chấp tại giai đoạn sơ thẩm, không có ý kiến; nên cần thiết giao nhà và công trình, cây trồng trên đất theo bản án sơ thẩm là phù hợp. Ông T có ý kiến cũng như yêu cầu xem xét về công sức cải tạo đất nhưng ông không yêu cầu tại cấp sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm ông có nêu ra yêu cầu, nhưng ông không cung cấp chứng cứ, tài liệu chứng minh nên không xem xét.

[III]- Từ những căn cứ đã nêu, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về chia thừa kế theo quy định. Có cơ sở chia thừa kế theo yêu cầu của bà N, bà L và chị C, không chấp nhận yêu cầu chia tài sản trong hộ của ông T, chia thừa kế cho ông T theo giá trị. Cụ thể: Bà N là 230,6m^2 (có 60,6m^2 đất ở nông thôn và 170m^2 đất trồng cây lâu năm), bà L là 218,3m^2 (có 89,1m^2 đất ở nông thôn và 129,2m^2 đất trồng cây lâu năm), chị C là 187,3m^2 (có 24,7m^2 đất ở nông thôn và 162,6m^2 đất trồng cây lâu năm), ông T được chia 1.468.286.000 đồng, bà N có nghĩa vụ giao cho ông T số tiền 825.120.000 đồng và bà L có nghĩa vụ giao số tiền là 643.166.000 đồng.

Ý kiến và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xem xét, nhưng cần sửa một phần bản án sơ thẩm về kỷ phần chia thừa kế cho phù hợp.

[IV]- Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Do có chia lại kỷ phần thừa kế nên ông T và chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với kỷ phần được chia; theo đó ông T phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền 1.468.286.000 đồng, chị C phải chịu án phí sơ thẩm diện tích đất được chia tương ứng số tiền 3.420.800.000 đồng.

Bà N và bà L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[V]- Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, trong phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 612, 623, 624, 630, 649, 651, 659, 660 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lưu Quốc T. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 164/2022/DS-ST ngày 25/5/2022 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Kim N.

2. Xác định di sản thừa kế của ông Lưu Văn C và bà Phạm Thị B là:

+ Thửa đất 3346 diện tích 461,8m^2, cây lâu năm, tại ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

+ Thửa 3347 có diện tích 63,0m^2, loại đất ở nông thôn, tại ấp Tân Phú, xã Tân Hương,huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

+ Thửa 3348 có diện tích là 111,4m^2, loại đất ở nông thôn, tại ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2.1- Giao cho bà Lưu Thị Kim N phần đất diện tích 230,6m^2, trong đó có một phần diện tích 60,6m^2 thuộc thửa 3348 là đất ở nông thôn và một phần diện tích 170,0m^2 thuộc thửa 3346 là đất cây lâu năm (Phần 1). Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2022. Có vị trí tứ cận:

+ Hướng Bắc giáp với phần đất được chia cho bà Lưu Thị Kim L (Phần 2);

+ Hướng Nam giáp với đất ông Cao Quốc P (thửa 1839) và bà Nguyễn Thị Đ (thửa 1839);

+ Hướng Đông giáp với Quốc Lộ 1A;

+ Hướng Tây giáp với đất của ông Nguyễn Anh K (thửa 1552).

Bà Lưu Thị Kim N được tiếp tục sở hữu căn nhà có diện tích 218,22m^2 trong tổng diện tích đất 230,6m^2 theo biên bản định giá ngày 07/04/2021.

2.2- Giao cho bà Lưu Thị Kim L phần đất diện tích 218,3m^2, trong đó có một phần diện tích 26,1m^2 thuộc thửa 3348 là đất ở nông thôn, toàn bộ diện tích đất 63,0m^2 thuộc thửa 3347 là đất ở nông thôn và một phần diện tích 129,2m^2 thuộc thửa 3346 là đất cây lâu năm (Phần 2). Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2022. Có vị trí tứ cận:

+ Hướng Bắc giáp phần đất được chia cho chị Lưu Thị Bích C (Phần 3);

+ Hướng Nam giáp phần đất được chia cho bà Lưu Thị Kim N (Phần 1);

+ Hướng Đông giáp Quốc Lộ 1A

+ Hướng Tây giáp đất của ông Nguyễn Anh K (thửa 1552).

Giao cho bà Lưu Thị Kim L sở hữu toàn bộ căn nhà có diện tích 25,99m^2 một phần thuộc thửa 3348 và 3346; căn nhà có diện tích đất 54,6m^2 thuộc thửa 3347 cùng với các tài sản khác gắn liền trên đất. Theo biên bản định giá ngày 07/04/2021.

2.3- Giao cho chị Lưu Thị Bích C phần đất diện tích đất 187,3m^2, trong đó có một phần diện tích 24,7m^2 thuộc thửa 3348 là đất ở nông thôn và diện tích 162,6m^2 một phần còn lại của thửa 3346 là đất cây lâu năm (Phần 3). Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2022. Có vị trí tứ cận:

+ Hướng Bắc giáp với đất của ông Nguyễn Anh K (thửa 1551) và đất ông Trịnh Hồng D (thửa 3844);

+ Hướng Nam giáp phần đất được chia cho bà Lưu Thị Kim L (Phần 2);

+ Hướng Đông giáp Quốc Lộ 1A;

+ Hướng Tây giáp đất của ông Nguyễn Anh K (thửa 1552).

Giao cho chị Lưu Thị Bích C sở hữu căn nhà có diện tích 28,83m^2 thuộc một phần của thửa 3348 và một phần thửa 3346 cùng với các tài sản khác gắn liền với đất. Theo biên bản định giá ngày 07/04/2021.

Tất cả diện tích đất tại ấp Tân Phú, xã Tân Hương,huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Có sơ đồ bản vẽ kèm theo.

3. Buộc ông Lưu Quốc T có trách nhiệm giao phần diện tích đất và nhà, cùng với các tài sản khác trên đất cho bà Lưu Thị Kim L và Lưu Thị Bích C, cụ thể như sau:

3.1- Giao cho bà Lưu Thị Kim L phần đất diện tích 218,3m^2 (phần 2) có vị trí nêu trên, tọa lạc tại ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2022. Và hai căn nhà có diện tích 25,99m^2 một phần thuộc thửa 3348 và 3346; căn nhà có diện tích đất 54,6m^2 thuộc thửa 3347, cùng với các tài sản khác gắn liền trên đất. Theo biên bản định giá ngày 07/04/2021.

3.2- Giao cho chị Lưu Thị Bích C phần đất diện tích đất 187,3m^2 (phần 3) có vị trí nêu trên, tọa lạc tại ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2022. Và căn nhà có diện tích 28,83m^2 thuộc một phần của thửa 3348 và một phần thửa 3346 cùng với các tài sản khác gắn liền với đất. Theo biên bản định giá ngày 07/04/2021.

Bà N, bà L, chị C được quyền đăng ký biến động đất đai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 95 Luật đất đai.

4. Ông Lưu Quốc T được chia kỷ phần thừa kế theo giá trị là 1.468.286.000 đồng.

4.1- Buộc bà Lưu Thị Kim N có nghĩa vụ giao cho ông Lưu Quốc T số tiền 825.120.000 đồng (Tám trăm hai mươi lăm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) là giá trị chênh lệch so với kỷ phần bà N được nhận.

4.2- Buộc bà Lưu Thị Kim L có nghĩa vụ giao cho ông Lưu Quốc T số tiền 643.166.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi ba triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) là giá trị chênh lệch so với kỷ phần bà L được nhận.

* Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định.

5. Về án phí:

5.1- Dân sự sơ thẩm:

- Ông Lưu Quốc T phải chịu 56.048.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Lưu Thị Bích C phải chịu 100.416.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5.2- Dân sự phúc thẩm:

Ông Lưu Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020506 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xem như thi hành xong về án phí phúc thẩm.

6. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Ngọc Giàu